

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM PHƯỚC 3

Số: 67/KH-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Phước, ngày 07 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH
GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM PHƯỚC 3
NĂM HỌC 2023-2024

Thực hiện công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Thực hiện công văn số 873/PGDĐT-TH ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT TP.Biên Hòa về việc “Triển khai thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024”;

Thực hiện công văn số 939/PGDĐT-PT ngày 25/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Biên Hòa về việc “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024”;

Trường Tiểu học Tam Phước 3 xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 với các nội dung như sau:

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ công văn số 873/PGDĐT-TH ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT TP.Biên Hòa về việc “Triển khai thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024”;
- Căn cứ công văn số 919/PGDĐT-PT ngày 21/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Biên Hòa về việc “chuẩn bị các điều kiện thực hiện năm học 2023-2024”;
- Căn cứ công văn số 939/PGDĐT-PT ngày 25/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Biên Hòa về việc “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024”;
- Căn cứ công văn số 797/PGDĐT-PT của PGD ngày 09/9/2022 v/v “ Tổ chức thực hiện dạy học Tiếng Anh tự chọn/Tin học/Kỹ năng sống và một số hoạt động khác theo phương thức xã hội hóa từ năm học 2022-2023”.

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
- Căn cứ QĐ 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của BGDĐT Quyết định Ban hành chương trình Giáo dục phổ thông. (Áp dụng Khối 5)
- Căn cứ công văn số 3799/BGDĐT-GDTH về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng chương trình GDPT 2018 vừa được Bộ giáo dục ban hành ngày 1/9/2022.
- Căn cứ công văn số 3525/BGDĐT-GDTH (19/8/2019) về hướng dẫn dạy môn tin học trong chương trình GD phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;
- Căn cứ công văn số 3866/BGDĐT-GDTH (19/8/2019) về hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động tải nghiệm trong chương trình GD phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;
- Căn cứ công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 Hướng dẫn thực hiện nội dung trải nghiệm cấp tiểu học từ năm học 2020 – 2021;
- Căn cứ công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 Hướng dẫn về biên soạn, thẩm định nội dung GD địa phương trong chương trình GD phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;
- Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Tiêu chí 6 quản trị nhân sự nhà trường: chỉ đạo xây dựng đề án vị trí việc làm chủ động đề xuất tuyển dụng nhân sự theo quy định, sử dụng GV NV đúng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Căn cứ Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập;
- Căn cứ công văn số 2345/BGD&ĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT V/v Thông tư ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023-2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Phường Tam Phước là một địa bàn dân cư nằm ở ngoại ô Thành phố Biên Hòa dọc theo sông Đồng Nai, có trục giao thông chính là Quốc lộ 51 đi qua các tỉnh, Thành phố lớn như Bà Rịa – Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi tập trung đông dân cư và các cụm, khu công nghiệp.

Phía Bắc: Giáp Phường Phước Tân và xã Giang Điền huyện Trảng Bom.

Phía Nam: Giáp xã An Phước và xã Tam An huyện Long Thành.

Phía Đông: Giáp xã An Viễn huyện Trảng Bom và xã An Phước huyện Long Thành.

Phía Tây: Giáp Phường Phước Tân và xã Long Hưng thành phố Biên Hòa.

Phường có diện tích tự nhiên hơn 4510 ha, dân số 23.146 hộ, 65.471 nhân khẩu, 126 tổ dân phố.

Địa bàn Phường Tam Phước có các khu công nghiệp như: Khu công nghiệp Tam Phước, Cụm công nghiệp Dốc 47, Khu Tiểu thủ công nghiệp Tam Phước, Khu công nghệ cao Giang Điền. Hiện trên địa bàn có hơn 150 công ty đi vào hoạt động thu hút hơn 25.000 lao động từ các tỉnh, thành phố khác trong cả nước đến làm việc. Từ đó kéo theo các loại hình thương mại, dịch vụ phát triển.

Ngoài ra còn có các đơn vị đóng chân trên địa bàn gồm: Trường Đại học Nguyễn Huệ, trường Cao đẳng ANND 1, Đại học Tài nguyên & Môi trường, Trung đoàn Cảnh sát cơ động Đông Nam Bộ.

Trên địa bàn có 34 cơ sở tín ngưỡng tôn giáo, gồm: Phật giáo; Công giáo. Có 07 dân tộc sinh sống: Kinh, Tày, Nùng, Khmer, Hoa, Sán diu và Thái. Nhân dân lương, giáo và các dân tộc sinh sống hòa đồng, đoàn kết, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và cùng nhau thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư".

Năm 2018: Được Công nhận là xã đạt chuẩn xã Nông Thôn mới

Ngày 01/07/2019: Phường Tam Phước được thành lập, trước đây là xã Tam Phước theo Nghị quyết số 694/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023 – 2024

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

- Tình hình học sinh của nhà trường: Đa số học sinh ngoan, vâng lời thầy cô giáo, có ý thức trong học tập, biết giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh trường lớp; biết đoàn kết, giúp đỡ bạn bè để cùng nhau tiến bộ.
- Trong đó, số liệu đối với mỗi khối lớp (số lớp; tổng số học sinh; số lượng về học sinh nữ; học sinh dân tộc; học sinh học 2 buổi/ngày; học sinh khuyết tật; học sinh có hoàn cảnh khó khăn; học sinh bán trú; tỉ lệ học sinh/lớp;...) như sau:

Khối	TS lớp		TSHS		TSHS nữ	TSHS dân tộc	TSHS khuyết tật	TSHS Khó khăn	TSHS bán trú	TLHS/ lớp	Ghi chú
	2 buổi	1 buổi	2 buổi	1 buổi							
1	11	0	498	0	232	47	2	15	424	45	
2	0	12	0	439	191	27	7	0	0	37	
3	0	11	0	402	187	15	2	0	0	37	
4	0	11	0	438	209	21	4	0	0	40	
5	0	11	0	447	192	30	3	7	0	41	
TC	11	45	498	1726	1011	140	18	22	424	40	

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Về tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:
- + 100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

+ Cán bộ quản lý nhà trường luôn xác định rõ vai trò, trách nhiệm đối với giáo dục địa phương; tích cực, tiên phong thực hiện nhiệm vụ đổi mới phương pháp được tập huấn, nắm rõ quan điểm, mục tiêu,... của Chương trình GDPT 2018; Có khả năng xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phù hợp thực tế; có khả năng hỗ trợ GV xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo chương trình mới phù hợp thực tiễn. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất; được sự tin tưởng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Có khả năng tham mưu, thuyết phục, tư

vấn các lực lượng xã hội và cha mẹ học sinh đóng góp và tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- + Giáo viên có khả năng xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và thực tiễn của lớp, trường, địa phương.
 - + GV có tâm huyết với nghề, đặc biệt quan tâm đến đối tượng học sinh khó khăn, có động lực và quyết tâm đổi mới;
 - + Khoảng trên 95% số GV nắm khá vững các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học, giáo dục, xây dựng PPCT, TKB, xây dựng KHBD, KHGD theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
 - + 100% GV có khả năng ứng dụng CNTT, các phần mềm thông dụng trong dạy học và quản lí HS;
 - + 100% GV có khả năng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.
 - + Nhân viên có tinh thần cầu tiến, trách nhiệm cao, thực hiện tốt chức năng hỗ trợ, phục vụ các hoạt động giáo dục.
- Trong đó, số liệu về tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên; tỉ lệ nữ; tỉ lệ giáo viên/lớp; số lượng theo trình độ đào tạo (tiên sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, dưới cao đẳng) cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	TSCBQL		TSGV		TS nhân viên		Tỷ lệ GV/lớp	Tỷ lệ nữ	Ghi chú
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam			
Tiến sĩ									
Thạc sĩ									
Đại học	2	1	60	2	2	0	95,5		
Cao đẳng			2	2	1	0	60,0		
Dưới Cao đẳng					1		100		
TC	2	1	62	4	4	0	93,2	84,8%	

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

- Khái quát về tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, điểm trường, lớp ghép:

+ Trường có 01 điểm với tổng diện tích 11 000m² với quy mô 03 dãy nhà, 01 trệt 02 lầu và 01 dãy phòng học 01 trệt 03 lầu. Hiện nay trường có cả 37 phòng học cấp hạng 2; Khu hiệu bộ có 5 phòng chia ra phòng Hiệu trưởng: 01; phòng phó HT: 01; văn phòng: 01; phòng; y tế: 01; phòng kế toán + văn thư: 01. Ngoài ra, trường có 1 khu nhà ăn cho học sinh diện tích 420m² được xây dựng năm 2015; 1 căn tin; 2 nhà bảo vệ. Diện tích trung bình 4,4 m²/01 học sinh.

+ Bàn ghế cho học sinh, giáo viên, bàng, quạt, đèn: Nhà trường có đầy đủ bàn ghế đảm bảo chỗ ngồi cho 01 học sinh/01 chỗ, có bàng lớp, quạt, đèn trang bị đầy đủ, đảm bảo chất lượng.

- Khu văn phòng: Nhà trường có khu văn phòng có đầy đủ các phòng hành chính.

- Khu vệ sinh: Nhà trường có khu nhà vệ sinh nam riêng, nữ riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng và có khu nhà vệ sinh nam riêng, nữ riêng cho học sinh sử dụng. Trong các nhà vệ sinh của học sinh có các bảng tuyên truyền tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh chung, qui trình rửa tay.

- Khu để xe: Nhà trường có khu để xe dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và có khu vực để xe cho học sinh.

- Hệ thống công nghệ thông tin: Nhà trường có hệ thống máy tính kết nối Internet phục vụ đáp ứng nhu cầu công tác quản lý và các hoạt động giáo dục.

- Trong đó, số liệu về số phòng học; số phòng chức năng; tên điểm trường, số lớp ghép, trình độ lớp ghép, số học sinh (nếu trường có điểm trường); cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú (nếu thực hiện) cụ thể như sau:

+ Tổng số phòng học: 37 phòng

+ Tổng số phòng chức năng: 01 phòng (liệt kê tên phòng: Tin học) Các phòng có ti vi phục vụ cho công tác giảng dạy.

+ Phòng Đoàn Đội: Nhà trường có phòng Đoàn Đội trang trí đúng qui định.

+ Phòng Y tế học đường : Nhà trường có 01 phòng y tế, đáp ứng đủ tiêu chuẩn của một phòng y tế học đường với trang bị y tế tối thiểu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu.

+ Phòng truyền thống: Nhà trường có phòng tuyên thống.

+ Nhà trường có thư viện, có kho đựng sách đảm bảo có phòng đọc sách cho giáo và học sinh.

- + Tên điểm trường: không
- + Số lớp ghép: Không
- + Trình độ lớp ghép: Không
- + Số học sinh (nếu trường có điểm trường): Không
- + Cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú (nếu thực hiện): Trường tổ chức học 1 buổi/ngày cho HS khối lớp 2,3,4,5; tổ chức 2 buổi/ngày và tổ chức bán trú cho học sinh khối lớp 1 (11 lớp học). Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo: phòng học rộng sạch sẽ, có đủ quạt, đèn,thoáng mát.

*** Tồn tại.**

- Trường được thành lập trong sự điều chuyển trường cũ nên cơ sở vật chất xuống cấp, tường rêu mốc, cảnh quan nhà trường còn phải tu sửa nhiều mới đạt trường Xanh-Sạch –Đẹp;
- Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh thiếu thốn;
- Thư viện - Thiết bị hoạt động chưa hiệu quả vì thiếu kinh phí mua sắm;
- Học sinh tạm trú chiếm số đông, đa số từ miền những vùng có kinh tế khó khăn nên sự quan tâm của gia đình rất hạn chế. Từ đó, ảnh hưởng đến chất lượng chung của nhà trường. Nhu cầu được cho con học bán trú tại trường cao trong khi cơ sở vật chất nhà trường không thể đáp ứng.
- Sân trường nhiều chỗ không bằng phẳng sẽ gây mất an toàn trong giờ ra chơi cho học sinh.
- Đường từ ngoài cổng trường vào sân trường nhiều chỗ bê tông bị sùi lên, hư hỏng, ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động giáo dục và vui chơi của học sinh.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2023-2024

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Có gắng phấn đấu trường, có uy tín về chất lượng giáo dục; nơi giáo viên và học sinh thực hiện công tác dạy và học theo phương châm “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”. Mỗi cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều được hỗ trợ, tạo điều kiện để phát triển năng lực, phẩm chất và tư duy sáng tạo.
- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện Kế hoạch giáo dục trên khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4; lớp 5 thực hiện rà soát, cấu trúc lại chương trình hiện hành nhằm tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục theo hướng phân hóa, tích hợp, trải nghiệm phù hợp với thực tiễn.
- Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về phẩm chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

2. Chỉ tiêu cụ thể (*Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học*)

a) Các chỉ tiêu về học sinh

- Chỉ tiêu về năng lực, phẩm chất:

Biểu hiện Năng lực/ Phẩm chất	Khối 1 (TSHS: 498)				Khối 2 (TSHS: 439)					
	T		Đ		T		Đ			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Năng lực										
Tự học và tự chủ	415	83,33	83	16,67			386	87,9	53	12,1
Giao tiếp và hợp tác	452	90,76	46	9,24			362	82,4	77	17,5
Giai quyết vấn đề và sáng tạo	446	89,5	52	10,4			343	78,1	96	21,8

Ngôn ngữ	382	76,7	116	23,2		302	68,7	137	31,2	
Tính toán	376	75,5	122	24,4		305	69,4	134	30,5	
Khoa học	368	73,8	130	26,1		302	68,7	137	31,2	
Thẩm mỹ	337	67,6	161	32,3		246	56	193	44	
Thể chất	323	64,8	175	35,1		234	53,3	205	46,6	

2. Phẩm chất

Yêu nước	498	100				439	100	0	0	
Nhân ái	498	100				439	100	0	0	
Chăm chỉ	463	92,9	35	7,2		345	78,5	94	21,4	
Trung thực	467	93,7	31	6,2		380	86,6	59	13,4	
Trách nhiệm	467	93,7	31	6,2		352	80,2	87	19,8	

Biểu hiện Năng lực/ Phẩm chất		Khối 3 (TSHS: 402)						Khối 4 (TSHS: 438)					
		T		Đ		CD		T		Đ		CD	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3. Năng lực													
Tự học và tự chủ	307	70	95	23,6		261	59,5	177	40,4				

Giao tiếp và hợp tác	321	79,8	81	20,1			234	53,4	204	46,5		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	298	74,1	104	25,8			204	46,4	234	53,4		
Ngôn ngữ	214	53,2	188	46,7			193	44,1	245	55,9		
Tính toán	222	55,2	180	44,7			226	51,5	212	48,4		
Khoa học	217	53,9	185	46,1			182	41,5	296	67,4		
Thẩm mỹ	198	49,2	204	50,7			157	35,8	281	64,1		
Thể chất	193	48	209	51,9			129	29,4	309	70,5		
Công nghệ	180	44,7	222	55,2			214	48,8	224	51,1		
Tin học	204	50,7	198	49,2			142	32,4	296	67,5		

4. Phẩm chất

Yêu nước	402	100	0	0			438	100	0	0		
Nhân ái	402	100	0	0			438	100	0	0		
Chăm chỉ	248	61,6	154	38,3			228	52,1	210	47,9		
Trung thực	253	62,9	199	49,5			246	56,1	192	43,		
Trách nhiệm	278	69,1	124	30,8			271	61,8	167	38,1		

Biểu hiện Năng lực/ Phẩm chất	Khối 5 (TSHS: 447)							
	T		Đ		CĐ			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Năng lực								
Tự phục vụ, tự quản	278	62,2	169	37,8				
Hợp tác	289	64,7	158	35,3				
Tự học và giải quyết vấn đề	301	67,3	146	32,7				
2. Phẩm chất								
Chăm học, chăm làm	295	66	152	34				
Tự tin, trách nhiệm	319	71,4	128	28,6				
Trung thực, kỷ luật	362	81	85	19				
Đoàn kết, yêu thương	447	100						

• Chỉ tiêu về chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Tên môn học/hoạt động giáo dục	Khối 1- TSHS: 498				Khối 2- TSHS: 439			
	T	%	H	C	T	%	H	C
Tiếng Việt	312	62,6	186	37,4	267	60,8	172	39,2
Toán	334	67	164	33	311	70,8	128	29,2
Đạo đức	329	66	169	34,0	295	67,2	144	32,8
TN-XH	323	65,3	175	34,7	291	66,3	148	33,7
Âm nhạc	277	55,6	221	44,4	288	65,6	151	34,4
Mỹ thuật	281	56,4	217	43,6	254	57,9	185	42,1
Giáo dục thể chất	324	65	177	35	261	59,5	178	40,5
Hoạt động trải nghiệm	339	68,1	159	31,9	315	71,8	124	28,2

Tên môn học/hoạt động giáo dục	Khối 3- TSHS: 402			Khối 4- TSHS: 438		
	T	H	C	T	H	C

	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	198	49,3	204	50,7	246	56,2	192	43,8						
Toán	211	52,5	191	47,5	279	63,7	159	36,3						
Đạo đức	217	53,9	185	46,1	271	61,9	167	38,1						
TN-XH	221	55	181	45										
Âm nhạc	183	45,5	219	54,5	213	48,6	225	51,4						
Mỹ thuật	198	49,2	204	50,7	252	57,5	186	42,5						
Giáo dục thể chất	193	48	209	51,9	152	53,7	131	46,3						
Hoạt động trải nghiệm	223	60,6	145	39,4	204	46,6	234	53,4						
Công nghệ và Tin học	204	50,7	198	49,2	316	72,1	122	27,9						
Tiếng Anh	214	53,2	188	46,7	106	24,2	332	75,8						
Khoa học					297	67,8	141	32,2						
Lịch sử và địa lí					302	68,9	136	31,1						

Tên môn học/hoạt động giáo dục	Khối 5- TSHS: 447					
	T		H		C	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	185	41,4	262	58,6		
Toán	242	54,1	205	45,9		
Đạo đức	283	63,3	164	36,7		
Âm nhạc	175	39,1	272	60,9		
Mỹ thuật	194	43,4	253	56,6		
Thể dục	259	57,9	188	2,1		
Lịch sử - Địa lý	291	65,1	156	34,9		
Khoa học	314	70,2	133	29,8		
Kỹ thuật	326	72,9	121	27,1		
Tiếng Anh	248	55,5	199	44,5		

- Chỉ tiêu đánh giá kết quả giáo dục học sinh đối với khối 1, 2, 3, 4 (Theo TT 27/BGDĐT)

Khối	HTXS		HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	276	55,4	55	11	167	33,6		
Khối 2	251	57,2	70	16	118	14		
Khối 3	192	47,8	58	14,4	152	37,8		
Khối 4	223	51	94	21,5	122	27,5		

* Khen thưởng cuối năm

KHỐI	TSHS	HSXS	TIÊU BIỂU	ĐỘT XUẤT	GHI CHÚ
1	498	232	119		
2	439	216	98		
3	402	187	77		
4	438	195	124		
5	447	221	104		
TỔNG	2224	1051	403		

- 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học.
- 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học.

b) Các chỉ tiêu về giáo viên:

- Tỷ lệ GV đạt chuẩn theo QĐ20:
- Tỷ lệ GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo: 66 (100%)
- Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo: 0
- Đạt danh hiệu giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi (cấp thành phố trở lên): 40/56 (71.4%)

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	280	144	136
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)							140	72	70	36	34	68	70	36	34
4	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
5	Khoa học										70	36	34	70	36	34

Tổng số tiết	1120	576	544	945	486	459	1015	522	493	1050	540	510	1085	558
	32 tiết/tuần = 1120 tiết/35 tuần			27 tiết/tuần = 945 tiết/35 tuần			29 tiết/tuần = 1015 tiết/35 tuần			30 tiết/tuần = 1050 tiết/35 tuần			30 tiết/tuần = 1050 tiết/35 tuần	
Số tiết/tuần (Cả năm học)														
Số buổi dạy/tuần	9 buổi/tuần			6 buổi/tuần			6 buổi/tuần			6 buổi/tuần			6 buổi/tuần	

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	+ Chúng em vui trung thu. + Tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các khối và của trường.	Tàn trường	Tháng 9/2023	TPT + Bí thư Chi đoàn GV/CN các lớp	HS các khối + GV +PH
Tháng 10	Mẹ và cô giáo	+ Kể chuyện về mẹ và cô + Hát về mẹ và cô + Làm thiệp tặng mẹ và cô.	+ Thi đua kể trước lớp + Biểu diễn trước lớp, trước trường + Làm thiệp tại lớp, tại nhà.	Tháng 10/2023	GV/CN + TPT	HS các khối

Tháng 11	Biết ơn thầy cô giáo Sáng tạo TTNND	Hội diễn văn nghệ Thi đua các khối	Toàn trường	Tháng 11/2023	TPTĐ + GVCN	Ban ĐDCM HS HS các khối
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về truyền thống Bộ đội Cụ Hồ	Toàn trường	Tháng 12/2023	TPTĐ + GVCN	Bộ đội lục quân
Tháng 1, 2	Mừng Đảng mừng xuân	Tổ chức cho học sinh Hội chợ ẩm thực, làm hoa mai, hoa đào	Toàn trường	Tháng 01/2024	TPTĐ + GVCN	Ban ĐDCM HS
Tháng 3	- Yêu quý mẹ và cô giáo - HS các khối tham gia hoạt động Stem.	Biểu diễn thời trang, văn nghệ Tổ chức cho học sinh thi đua giữa các khối	Theo từng lớp	Tháng 3/2024	GVCN Học sinh	HS các khối
Tháng 4	Hội vui học tập	Rung chuông vàng các khối	Khối 1, 2, 3, 4, 5	Tháng 4/2024	TPTĐ + CM + GVCN	Ban ĐDCM HS
Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	Tìm hiểu về cuộc đời và hoạt động của Bác	Theo từng lớp	Tháng 5/2024	GVCN	

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (Khối 1)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đôi tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Hoạt động đọc sách tại thư viện	Học sinh đọc sách	Học sinh ở lại theo lớp	Từ 16 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần	Tại Thư viện	
2	Tổ chức các trò chơi dân gian.	Học sinh tham gia chơi	Học sinh ở lại theo lớp	Từ 16 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần	Tại sân trường	
3	Tổ chức cho học sinh tập văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn trong năm học	Học sinh tham gia luyện tập văn nghệ	Học sinh ở lại theo lớp	Từ 16 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần	Tại các lớp, sân trường	
4	Tổ chức giáo dục kỹ năng sống	Hướng dẫn thêm cho các em học sinh điều cơ bản xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống hàng ngày gần gũi với các em	Học sinh ở lại theo lớp	Từ 16 giờ đến 17 giờ từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần	Tại các lớp, sân trường	
5	Tổ chức bán trú	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh cách vệ sinh cá nhân sau khi ăn xong, sau khi ngủ dậy. - Hướng dẫn học sinh cách để giày, dép cho gọn gàng. - Học sinh nghỉ ngơi, ăn trưa - Vệ sinh cá nhân - Thụ giãn tự do, - Ngủ trưa 	Học sinh ở lại bán trú theo khối lớp	Buổi trưa hàng tuần từ thứ hai đến thứ sáu (từ 10 giờ đến 13 giờ 35 phút)	Tại các lớp học	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Trường chỉ có 01 điểm trường

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023- 2024¹ và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục (Đối với các lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình quy định, Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tôi thiếu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần (Khối 1); Đối với các khối lớp 2,3,4,5 kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo tổ chức dạy học 1 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 5 tiết học, mỗi tiết 35 phút; tôi thiếu là 6 buổi/tuần với 30 tiết/tuần.)

- Căn cứ công văn số 873/PGDDĐT-TH ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Phòng GD&ĐT TP.Biên Hòa về việc “Triển khai thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024”;

- + Ngày tựu trường đối với lớp 1: 21/8/2023
- + Ngày tựu trường đối với lớp 2, 3, 4, 5: 28/8/2023
- + Ngày khai giảng: ngày 05/9/2023

Học kì I: từ ngày 05/9/2023 đến ngày 06/01/2024 (gồm 18 tuần thực học và thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác)
 Học kì II: từ ngày 08/01/2024 đến ngày 18/5/2024) (gồm 17 tuần thực học, thời gian còn lại dành cho các hoạt động khác.)

- Kết thúc năm học: 31/5/2024.
- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 28/6/2024.
- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).
- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)
- Tại trường Tiểu học Tam Phước 3 thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

4. 1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (đính kèm Phụ lục 2 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (đính kèm Phụ lục 2 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (đính kèm Phụ lục 2 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (đính kèm Phụ lục 2 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (đính kèm Phụ lục 2 theo Công văn số 2345/BGDĐT-

GDTH ngày 7 tháng 6 năm 2021)

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

- Nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện các hạng mục cơ sở vật chất làm tiền đề cho việc đảm bảo chất lượng giáo dục. Trong đó, tập trung huy động từ nhiều nguồn (kinh phí thường xuyên, Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, kinh phí vận động,...) để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học. Hằng năm, nhà trường chú ý đến việc xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, các phòng chức năng, nhà vệ sinh, công trình nước sạch và mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu, ưu tiên đầu tư cho các khối dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Trong kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, tiêu chí về cơ sở vật chất được các ngành có thẩm quyền rà soát, kiểm tra đảm bảo đúng quy định. Nhà trường tham mưu các cấp, ngành để triển khai, thực hiện theo hướng vừa đảm bảo các yêu cầu của kiểm định chất lượng giáo dục vừa đảm bảo điều kiện để triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong giai đoạn từ năm học 2020 – 2021, đến năm học 2024 - 2025.

- Nhà trường làm tờ trình gửi về Phòng Giáo dục và Ủy Ban nhân dân thành phố trình xin kinh phí sửa chữa.

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

- Tổ chức tập huấn chương trình sách giáo khoa cho 100% CBGV toàn trường đảm bảo giáo viên nào cũng có thể dạy được sau tập huấn.

- Bồi dưỡng lòng yêu nghề, tạo động lực cho giáo viên yêu trường lớp, yêu công việc say mê với chuyên môn để từ đó nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

- Cán bộ quản lý quan tâm cùng chia sẻ khó khăn vướng mắc khi giáo viên gặp phải trong chuyên môn để hướng dẫn định hướng cho giáo viên kịp thời. Tích cực tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn trao đổi với giáo viên để giúp giáo viên tự tin hơn trong công việc.

- Tổ chức phân công chuyên môn giảng dạy đúng người đúng việc phát huy tối đa các năng lực sở trường của đội ngũ để nâng cao hiệu quả làm việc.

- Thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên các phương pháp dạy học như phương pháp “bàn tay nặn bột”; kĩ thuật dạy học như: “Kĩ thuật khăn trải bàn”, Dạy học bằng sơ đồ tư duy; ...

- Ngoài ra, làm tốt công tác truyền thông trước và trong quá trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để tạo sự đồng thuận cao, giúp giáo viên yên tâm, tự tin thực hiện có hiệu quả. Biểu dương, khen thưởng những, giáo viên có nhiều thành tích trong việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tạo mọi điều kiện để cán bộ giáo viên tham gia các lớp tập huấn thay sách, đổi mới phương pháp dạy học, chương trình GDPT 2018.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong nội dung sinh hoạt tổ.

- Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Thực hiện nghiêm túc việc phân tích giờ dạy khi dự giờ sau mỗi tiết học.

- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dạy học stem, chuyên đổi số, dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

- Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiêu học.

- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở các khối lớp. Hàng tháng thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo đúng quy định.

4. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh Tiêu học

a) Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tích cụ thể của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; đẩy mạnh giáo dục STEM và STEAM trong giáo dục Tiêu học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống hàng ngày.

- Tiếp tục áp dụng một cách phù hợp mô hình trường học mới; triển khai dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật; tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.
- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 và Công văn số 1249/SGDĐT-NV1 ngày 29/4/2020 của Sở GD&ĐT về việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn thực hiện CTGDPT cấp Tiểu học:
 - + Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn trong trường thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.
 - + Soạn giảng theo Kế hoạch dạy học theo quy định nhằm phát triển từng năng lực, phẩm chất cho học sinh.
- Tiếp tục triển khai có chất lượng và hiệu quả các biện pháp giúp đỡ học sinh nhằm giảm tỉ lệ học sinh Chưa Hoàn thành chương trình lớp học và học sinh bỏ học, không đi học sinh ngồi nhầm lớp. Tổ chức nhiều hoạt động nhằm phát hiện học sinh có năng khiếu.
- b) Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh Tiểu học
 - + Đối với học sinh lớp 5 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; được đánh giá theo quy định tại văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “ Công văn hợp nhất Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá học sinh tiểu học”
 - + Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện nghiêm túc bản giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện Khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Tổ chức xây dựng, điều hành các bộ phận thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.
- Tăng cường cơ sở vật chất thiết bị của nhà trường và làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức nhà trường, phân công, phân nhiệm cho từng cá nhân, tổ, nhóm, chuyên môn và các tổ chức đoàn thể để triển khai hiệu quả kế hoạch dạy học, giáo dục.
- Tổ chức tập huấn triển khai chương trình GDPT 2018, tập huấn sách giáo khoa 1, 2, 3, 4 đến toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường.

- Kết hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương trong việc tuyên truyền phổ biến nội dung, chương trình GDPT 2018 đến toàn thể phụ huynh học sinh và cộng đồng dân cư.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục; Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc phối hợp tổ chức đoàn thể trong nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức các hoạt động trải nghiệm, Tổ chức các câu lạc bộ trong và ngoài giờ chính khóa, ngoại khóa, tham quan dã ngoại,... đa dạng về hình thức hướng đến việc phát triển năng lực, phẩm chất và khả năng sáng tạo của học sinh.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục đúng tiến độ. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm các hoạt động theo từng thời điểm để đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp điều chỉnh kịp thời.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Quản lý chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, bán trú, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục

- Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của tổ khối, giáo viên.

- Chủ trì xây dựng quy chế chuyên môn. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn nhà trường bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ học sinh còn hạn chế về năng lực, phẩm chất và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.
- Tổ chức xây dựng và thực hiện các chuyên đề về đổi mới phương pháp dựa trên thực tế của nhà trường nhằm giúp GV tháo gỡ các khó khăn vướng mắc. Tham gia góp ý xây dựng các chuyên đề tổ khối theo hướng nghiên cứu bài học.
- Duyệt tất các các hoạt động tổ chức các hoạt động trải nghiệm, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.
- Tổ chức tốt việc xây dựng ngân hàng, ma trận đề kiểm tra theo các mức độ đánh giá học sinh.
- Phối hợp tốt với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục góp phần phát triển năng lực, phẩm chất và khả năng sáng tạo cho HS.
- Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá việc triển khai Kế hoạch giáo dục nhà trường, Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của các tổ chuyên môn, của mỗi giáo viên.

3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn

- Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của tổ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn năm, tháng, tuần chi tiết, cụ thể và đảm bảo tính khả thi trình Hiệu trưởng phê duyệt
- Dựa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên trong tổ nghiên cứu và xây dựng kế hoạch giáo dục của các môn học. Tổ chuyên môn thống nhất các nội dung hoạt động giáo dục và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.
- Xây dựng thời khóa phù hợp với lớp và ưu tiên cho việc hoạt động học của học sinh.
- Trong năm học tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về chuyên môn theo đúng kế hoạch giáo dục của trường.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình lớp 1, 2, 3, 4.
- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch. Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

4. Đối với Tổng phụ trách đội

- Kết hợp với các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yêu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu- Kết thúc).
- Thành lập các ban chỉ huy của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường. Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.
- Tổng phụ trách Đội nắm chắc kế hoạch giáo dục của nhà trường, tham mưu cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng để chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung hoạt động tập thể trong năm và các nội dung giáo dục ngoài giờ lên lớp được quy định trong kế hoạch này..

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, Phó Hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung sinh hoạt dưới cờ.

5. Đối với Giáo viên chủ nhiệm

- Căn cứ KHGD của trường, tổ, tình hình học sinh của lớp, giáo viên xây dựng KHGD, TKB, KHBĐ của lớp linh hoạt, phù hợp với từng thời điểm.
- Chủ động phối hợp với CMHS, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tập thể có chất lượng, phối hợp tốt với CMHS, Tổng phụ trách Đội để hướng dẫn giúp đỡ học sinh khi tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy định trong kế hoạch.

6. Đối với Giáo viên phụ trách môn học

- Thực hiện tốt kế hoạch giáo dục môn học đã xây dựng cho cả năm học. Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội để hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động tập thể của trường của lớp.
- Thực hiện tốt các nhiệm vụ khi được phân công.

7. Đối với Nhân viên

Thực hiện tốt các yêu cầu công việc theo vị trí việc làm, phối kết hợp với giáo viên, các lực lượng trong nhà trường. Thực hiện tốt nhiệm vụ khi được phân công.

Trên đây là nội dung kế hoạch giáo dục của trường Tiểu học Tam Phước 3 năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng GD&ĐT TP Biên Hòa;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Quốc Tuất

